

BẢNG KẾT QUẢ PHƯƠNG ÁN SAU SÁP NHẬP CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
1	2	3	4		5		6	7
	Tổng cộng	Tổng cộng	1.267	699	568	44,83%	747	256
		Mầm non	379	186	193	50,92%	274	24
		Tiểu học	406	195	206	50,74%	262	97
		Trung học cơ sở	298	154	126	42,28%	127	88
		Tiểu học và Trung học cơ sở	82	79	26	31,71%	46	9
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	9	19				
		Trung học phổ thông	93	66	17	18,28%	38	38
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	Trực thuộc Sở (THCS&THPT; THPT; trường chuyên biệt Hy vọng Quý Nhơn)	103	86	17	16,50%	38	38
2	Quý Nhơn	Tổng cộng	30	16	14	46,67%	21	6
		Mầm non	7	3	4	57,14%	9	2
		Tiểu học	11	6	5	45,45%	5	2
		Trung học cơ sở	8	4	4	50,00%	4	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	4	3	1	25,00%	3	1
3	Quý Nhơn Đông	Tổng cộng	12	7	5	41,67%	6	1
		Mầm non	4	2	2	50,00%	3	1
		Tiểu học	4	1	3	75,00%	3	
		Trung học cơ sở	3	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
4	Quý Nhơn Tây	Tổng cộng	7	3	4	57,14%	3	1
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	1	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
5	Quy Nhơn Nam	Tổng cộng	15	8	7	46,67%	14	5
		Mầm non	4	2	2	50,00%	5	
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	6	4
		Trung học cơ sở	4	2	2	50,00%	3	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	2				
6	Quy Nhơn Bắc	Tổng cộng	9	5	4	44,44%	8	2
		Mầm non	2	1	1	50,00%	3	
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	2	2
7	Nhơn Châu	Tổng cộng	2	2				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	12	6	6	50,00%	9	7
		Mầm non	3	1	2	66,67%	2	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	3	1

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
8	Bình Định	Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	3	4
9	An Nhơn	Tổng cộng	12	6	6	50,00%	12	4
		Mầm non	3	1	2	66,67%	4	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	4	1
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	3	2
10	An Nhơn Nam	Tổng cộng	8	4	4	50,00%	6	3
		Mầm non	2	1	1	50,00%	3	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
11	An Nhơn Bắc	Tổng cộng	11	5	6	54,55%	11	5
		Mầm non	3	1	2	66,67%	5	1
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	3	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	3	3
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
		Tổng cộng	6	3	3	50,00%	5	2
		Mầm non	2	1	1	50,00%	3	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
12	An Nhơn Đông	Tiểu học	2	1	1	50,00%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
13	An Nhơn Tây	Tổng cộng	6	3	3	50,00%	5	1
		Mầm non	2	1	1	50,00%	3	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
14	Bồng Sơn	Tổng cộng	11	6	5	45,45%	10	10
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	3	2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	2	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	3	2	1	33,33%	3	6
15	Hoài Nhơn Đông	Tổng cộng	12	6	6	50,00%	5	4
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	1
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	2	1
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%		2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
		Tổng cộng	7	3	4	57,14%	4	5

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
16	Hoài Nhơn Nam	Mầm non	2	1	1	50,00%	1	1
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
17	Hoài Nhơn	Tổng cộng	11	4	7	63,64%	7	8
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	1
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	2	3
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	4
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
18	Hoài Nhơn Tây	Tổng cộng	7	3	4	57,14%	4	3
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
19	Tam Quan	Tổng cộng	9	4	5	55,56%	7	7
		Mầm non	2	1	1	50,00%	3	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	3	4
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%		1

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
20	Hoài Nhơn Bắc	Tổng cộng	11	5	6	54,55%	9	8
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	1
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	3	3
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	3	4
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
21	Cát Tiến	Tổng cộng	11	8	3	27,27%	1	5
		Mầm non	3	2	1	33,33%		
		Tiểu học	3	2	1	33,33%		3
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	2				
22	Đề Gi	Tổng cộng	12	5	7	58,33%	8	11
		Mầm non	3	1	2	66,67%	2	1
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	4	4
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	6
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
23	Phù Cát	Tổng cộng	15	7	8	53,33%	8	8
		Mầm non	4	2	2	50,00%	2	
		Tiểu học	6	2	4	66,67%	3	2
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	2	4
24	Xuân An	Tổng cộng	7	3	4	57,14%	1	4
		Mầm non	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	1	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		3
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
25	Ngô Mây	Tổng cộng	10	4	6	60,00%	3	4
		Mầm non	3	1	2	66,67%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%		1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	3
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
26	Hòa Hội	Tổng cộng	8	4	4	50,00%	4	3
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
27	Hội Sơn	Tổng cộng	6	3	3	50,00%		4
		Mầm non	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học	2	1	1	50,00%		2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
28	Phù Mỹ Đông	Tổng cộng	12	6	6	50,00%	7	1
		Mầm non	3	1	2	66,67%	5	
		Tiểu học	5	3	2	40,00%		
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
29	Phù Mỹ	Tổng cộng	11	5	6	54,55%	6	6
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	1	2
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	2	3
30	Phù Mỹ Tây	Tổng cộng	6	3	3	50,00%	2	1
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
31	Phù Mỹ Nam	Tổng cộng	7	3	4	57,14%	3	2
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		2

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
32	An Lương	Tổng cộng	12	5	7	58,33%	8	2
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	3	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
33	Bình Dương	Tổng cộng	11	4	7	63,64%	9	6
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	3	5
34	Phù Mỹ Bắc	Tổng cộng	9	3	6	66,67%	9	12
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	1
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	4	4
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	7
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	8	4	4	50,00%	5	2
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	2	2

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
35	Tuy Phước Tây	Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
36	Tuy Phước	Tổng cộng	20	9	11	55,00%	13	6
		Mầm non	5	3	2	40,00%	5	
		Tiểu học	9	3	6	66,67%	3	3
		Trung học cơ sở	4	2	2	50,00%	3	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	2	1
37	Tuy Phước Bắc	Tổng cộng	13	6	7	53,85%	8	8
		Mầm non	3	1	2	66,67%	4	
		Tiểu học	6	3	3	50,00%	3	4
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	1	4
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
38	Tuy Phước Đông	Tổng cộng	16	8	8	50,00%	9	11
		Mầm non	3	2	1	33,33%	3	1
		Tiểu học	7	3	4	57,14%	3	5
		Trung học cơ sở	4	2	2	50,00%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	2	4
		Tổng cộng	15	7	8	53,33%	9	12
		Mầm non	4	2	2	50,00%	1	1

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
39	Tây Sơn	Tiểu học	6	3	3	50,00%	3	3
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	4
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	3	4
40	Bình Khê	Tổng cộng	8	3	5	62,50%	5	6
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	1	4
		Trung học cơ sở	2		2	100,00%	2	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
41	Bình Phú	Tổng cộng	9	4	5	55,56%	5	2
		Mầm non	3	1	2	66,67%	1	1
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	3	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
42	Bình Hiệp	Tổng cộng	9	3	6	66,67%	4	3
		Mầm non	3	1	2	66,67%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	1
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	1	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	13	7	6	46,15%	6	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
43	Bình An	Mầm non	4	2	2	50,00%	3	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	2	
		Trung học cơ sở	4	2	2	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
44	Hoài Ân	Tổng cộng	14	6	8	57,14%	8	4
		Mầm non	5	2	3	60,00%	4	2
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	1	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	2
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	1	
45	Ân Tường	Tổng cộng	9	5	4	44,44%	4	4
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	3
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
46	Kim Sơn	Tổng cộng	5	3	2	40,00%	2	2
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	1
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	1	1
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
47	Vạn Đức	Tổng cộng	6	3	3	50,00%	3	1
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
48	Ân Hảo	Tổng cộng	10	4	6	60,00%	6	2
		Mầm non	3	1	2	66,67%	2	1
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
49	Vân Canh	Tổng cộng	9	5	4	44,44%	5	2
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	2
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	1				
		Trung học phổ thông						
50	Canh Vinh	Tổng cộng	9	4	5	55,56%	7	5
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	1
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	1	
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	3	4
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông	1	1				
51	Canh Liên	Tổng cộng	3	3				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
52	Vĩnh Thạnh	Tổng cộng	8	5	3	37,50%	5	1
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	2	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	1				
		Trung học phổ thông	1	1				
53	Vĩnh Thịnh	Tổng cộng	6	3	3	50,00%	3	1
		Mầm non	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	2	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
54	Vĩnh Quang	Tổng cộng	7	3	4	57,14%	3	1
		Mầm non	3	1	2	66,67%	1	
		Tiểu học	1		1	100,00%	1	
		Trung học cơ sở	1		1	100,00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2			1	1

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
55	Vĩnh Sơn	Tổng cộng	5	4	1	20,00%		
		Mầm non	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
56	An Lão	Tổng cộng	9	5	4	44,44%	6	2
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	2
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	3	
		Trung học cơ sở	2	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở		1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	1				
		Trung học phổ thông						
57	An Hòa	Tổng cộng	8	4	4	50,00%	7	5
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	3	4
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	3	1
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
58	An Vinh	Tổng cộng	6	4	2	33,33%	2	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	1	
		Trung học cơ sở						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
59	An Toàn	Tổng cộng	4	4				
		Mầm non	2	2				
		Tiểu học	2	2				
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
60	Pleiku	Tổng cộng	15	9	6	40,00%	11	5
		Mầm non	4	2	2	50,00%	3	
		Tiểu học	6	3	3	50,00%	7	4
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	1	1
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	2				
61	Diên Hồng	Tổng cộng	14	7	7	50,00%	10	1
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	4	1
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	2	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	2				
		Tổng cộng	11	6	5	45,45%	10	1
		Mầm non	3	1	2	66,67%	4	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	4	1

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
62	Hội Phú	Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
63	An Phú	Tổng cộng	11	4	7	63,64%	10	6
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	3	3
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	4	3
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
64	Thống Nhất	Tổng cộng	12	7	5	41,67%	11	1
		Mầm non	3	1	2	66,67%	4	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	4	
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	3	1
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	2				
65	Biển Hồ	Tổng cộng	15	8	7	46,67%	7	
		Mầm non	5	2	3	60,00%	3	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	3	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
		Tổng cộng	7	4	3	42,86%	3	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
66	Gào	Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
67	An Khê	Tổng cộng	14	7	7	50,00%	11	2
		Mầm non	4	1	3	75,00%	4	2
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	1	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	2	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	3	2	1	33,33%	1	
68	An Bình	Tổng cộng	10	5	5	50,00%	6	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	2	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	1	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
69	Cửu An	Tổng cộng	10	3	7	70,00%	7	
		Mầm non	4	1	3	75,00%	3	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	2	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	12	6	6	50,00%	11	1

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
70	Ayun Pa	Mầm non	4	1	3	75,00%	3	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	3	
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	3	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	1				
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	2	1
71	Ia Rbol	Tổng cộng	6	3	3	50,00%	3	
		Mầm non	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	2	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
72	Ia Sao	Tổng cộng	5	3	2	40,00%	3	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	2	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
73	Chư Păh	Tổng cộng	10	5	5	50,00%	8	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	3	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	1	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông	1	1				
74	Ia Phí	Tổng cộng	10	6	4	40,00%	7	
		Mầm non	3	3				
		Tiểu học	3		3	100,00%	4	
		Trung học cơ sở	3		1	33,33%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
75	Ia Ly	Tổng cộng	8	5	3	37,50%	4	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	2	
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở	1		1	100,00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
76	Ia Khươl	Tổng cộng	9	8	1	11,11%	2	
		Mầm non	3	3				
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	2	
		Trung học cơ sở	2	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở		1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	1				
		Trung học phổ thông						
77	Chư Prông	Tổng cộng	14	7	7	50,00%	13	
		Mầm non	4	2	2	50,00%	3	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	6	
		Trung học cơ sở	4	2	2	50,00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	2	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
78	Bàu Cạn	Tổng cộng	10	5	5	50,00%	7	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	3	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
79	Ia Boong	Tổng cộng	8	4	4	50,00%	5	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	2	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	2	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
80	Ia Lâu	Tổng cộng	6	4	2	33,33%	2	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	2	2				
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
81	Ia Pia	Tổng cộng	10	7	3	30,00%	2	
		Mầm non	3	3				
		Tiểu học	3		3	100,00%	2	
		Trung học cơ sở	3					

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở		3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
82	Ia Tôr	Tổng cộng	8	3	5	62,50%	8	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	2	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	3	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	3	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
83	Ia Púch	Tổng cộng	2	2				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
84	Ia Mơ	Tổng cộng	2	2				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
		Tổng cộng	12	7	5	41,67%	9	
		Mầm non	3	1	2	66,67%		
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	6	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
85	Chư Puh	Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
86	Ia Le	Tổng cộng	8	5	3	37,50%	4	
		Mầm non	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	3	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
87	Ia Hnú	Tổng cộng	13	8	5	38,46%	9	1
		Mầm non	4	3	1	25,00%		
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	7	1
		Trung học cơ sở	3	1	1	33,33%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
88	Chư Sê	Tổng cộng	23	11	12	52,17%	31	3
		Mầm non	6	2	4	66,67%	10	
		Tiểu học	7	4	3	42,86%	10	1
		Trung học cơ sở	7	4	3	42,86%	4	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	3	2
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	4	
		Tổng cộng	11	7	4	36,36%	12	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
89	Bờ Ngoong	Mầm non	4	2	2	50,00%	7	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	5	
		Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	1				
		Trung học phổ thông						
90	Ia Ko	Tổng cộng	10	6	4	40,00%	7	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	4	
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	2	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
91	Ai Bá	Tổng cộng	7	5	2	28,57%	5	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	5	
		Tiểu học	2	2				
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
92	Đak Đoa	Tổng cộng	14	8	6	42,86%	7	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học	6	2	4	66,67%	4	
		Trung học cơ sở	4	3	1	25,00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
93	Kon Gang	Tổng cộng	7	4	3	42,86%	3	1
		Mầm non	2	2				
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	2	1
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	1	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
94	Ia Băng	Tổng cộng	11	5	6	54,55%	8	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	1	
		Tiểu học	4	2	2	50,00%	5	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
95	KDang	Tổng cộng	9	6	3	33,33%	3	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học	3	1	1	33,33%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
96	Đak Somei	Tổng cộng	6	6				
		Mầm non	2	2				
		Tiểu học	2	2				
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông						
97	Đak Pơ	Tổng cộng	11	7	4	36,36%	11	
		Mầm non	4	2	2	50,00%	6	
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	5	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	1				
		Trung học phổ thông						
98	Ya Hội	Tổng cộng	4	3	1	25,00%	3	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	3	
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
99	Đức Cơ	Tổng cộng	11	6	5	45,45%	11	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	4	1	3	75,00%	7	
		Trung học cơ sở	4	2	1	25,00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở		1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
100	Ia Krêl	Tổng cộng	12	8	4	33,33%	6	
		Mầm non	3	3				
		Tiểu học	5	3	2	40,00%	3	
		Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
101	Ia Dom	Tổng cộng	3	3				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	1					
		Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở		2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
102	Ia Đơk	Tổng cộng	8	4	4	50,00%	4	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
103	Ia Nan	Tổng cộng	4	3	1	25,00%		
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	2		1	50,00%		
		Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở		2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
104	Ia Pnôn	Tổng cộng	2	2				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
105	Ia Grai	Tổng cộng	10	6	4	40,00%	10	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	4	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	3	
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	3	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
106	Ia Hrug	Tổng cộng	14	8	6	42,86%	12	1
		Mầm non	4	2	2	50,00%	5	
		Tiểu học	5	3	2	40,00%	5	1
		Trung học cơ sở	4	2	2	50,00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
107	Ia Krái	Tổng cộng	11	7	4	36,36%	6	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	2	
		Trung học cơ sở	2		2	100,00%	3	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
		Tổng cộng	3	3				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	1					

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
108	Ia Chia	Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở		2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
109	Ia O	Tổng cộng	4	3	1	25,00%		
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học	2		1	50,00%		
		Trung học cơ sở	1					
		Tiểu học và Trung học cơ sở		2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
110	Ia Pa	Tổng cộng	13	8	5	38,46%	3	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	2	
		Trung học cơ sở	4	2	1	25,00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở		1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
111	Ia Tul	Tổng cộng	9	6	3	33,33%	3	
		Mầm non	4	2	2	50,00%	1	
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	4	3	1	25,00%	2	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
		Tổng cộng	8	5	3	37,50%	4	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
112	Pờ Tó	Tiểu học	3	2	1	33,33%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
113	Kbang	Tổng cộng	14	8	6	42,86%	3	2
		Mầm non	5	2	3	60,00%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%	2	2
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
114	Kông Bơ La	Tổng cộng	10	6	4	40,00%	2	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học	3	1	2	66,67%		
		Trung học cơ sở	3	1	1	33,33%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
115	Tơ Tung	Tổng cộng	7	4	3	42,86%	2	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	1	
		Trung học cơ sở	1		1	100,00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
		Tổng cộng	6	6				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
116	Sơn Lang	Mầm non	2	2				
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	1				
		Trung học phổ thông						
117	Đak Rong	Tổng cộng	3	3				
		Mầm non	1	1				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
118	Krong	Tổng cộng	5	4	1	20,00%		
		Mầm non	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học	1	1				
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
119	Kông Chro	Tổng cộng	10	8	2	20,00%	2	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	1	
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
120	Chơ Long	Tổng cộng	4	3	1	25,00%	1	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	1	
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
121	Đăk Song	Tổng cộng	4	2	2	50,00%	1	
		Mầm non	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%	1	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
122	Chư Krey	Tổng cộng	4	4				
		Mầm non	2	2				
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
123	SR6	Tổng cộng	4	3	1	25,00%		
		Mầm non	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2	2				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học phổ thông						
124	Ya Ma	Tổng cộng	6	4	2	33,33%	2	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	2	
		Tiểu học						
		Trung học cơ sở						
		Tiểu học và Trung học cơ sở	3	3				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
125	Phú Túc	Tổng cộng	18	10	8	44,44%	6	
		Mầm non	6	3	3	50,00%	2	
		Tiểu học	5	2	3	60,00%	2	
		Trung học cơ sở	5	4	1	20,00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	2	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
126	Ia Rsai	Tổng cộng	9	6	3	33,33%	2	
		Mầm non	3	2	1	33,33%		
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	2	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
127	Uar	Tổng cộng	10	6	4	40,00%		
		Mầm non	3	1	2	66,67%		
		Tiểu học	3	2	1	33,33%		
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở						

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
128	Ia Dreh	Tổng cộng	9	4	5	55,56%	2	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	1	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%	1	
		Trung học cơ sở	2	1	1	50,00%		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%		
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông		1				
		Trung học phổ thông	1					
129	Mang Yang	Tổng cộng	14	9	5	35,71%	8	
		Mầm non	5	2	3	60,00%	6	
		Tiểu học	3	3				
		Trung học cơ sở	3	3				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	2		2	100,00%	2	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	1	1				
130	Lơ Pang	Tổng cộng	9	6	3	33,33%	5	
		Mầm non	3	1	2	66,67%	3	
		Tiểu học	3	2	1	33,33%	2	
		Trung học cơ sở	2	2				
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông	1	1				
		Trung học phổ thông						
131	Ayun	Tổng cộng	6	3	3	50,00%	3	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%		
		Trung học cơ sở	1	1				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sắp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1		1	100,00%	1	
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
132	Hra	Tổng cộng	6	4	2	33,33%	5	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	3	
		Tiểu học	2	2				
		Trung học cơ sở	1		1	100,00%	2	
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
133	Kon Chiêng	Tổng cộng	6	4	2	33,33%	2	
		Mầm non	2	1	1	50,00%	2	
		Tiểu học	2	1	1	50,00%		
		Trung học cơ sở	1	1				
		Tiểu học và Trung học cơ sở	1	1				
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
134	Phú Thiện	Tổng cộng	22	10	12	54,55%	21	
		Mầm non	6	2	4	66,67%	7	
		Tiểu học	8	4	4	50,00%	7	
		Trung học cơ sở	6	3	3	50,00%	5	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông	2	1	1	50,00%	2	
		Tổng cộng	9	6	3	33,33%	3	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	2	
		Tiểu học	3	3				

TT	Thuộc xã/phường	Cấp học	Kết quả				Số CBQL giảm	Số nhân viên giảm
			Tổng số trường hiện có	Tổng số trường sau sáp nhập	Số trường giảm	Tỷ lệ %		
135	Ia Hiao	Trung học cơ sở	3	1	2	66,67%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						
136	Chư A Thai	Tổng cộng	10	7	3	30,00%	5	
		Mầm non	3	2	1	33,33%	2	
		Tiểu học	4	3	1	25,00%	2	
		Trung học cơ sở	3	2	1	33,33%	1	
		Tiểu học và Trung học cơ sở						
		Trung học cơ sở và trung học phổ thông						
		Trung học phổ thông						